

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 343/2025/DS-ST
Ngày 11 - 11 - 2025
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại do
tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Trường

Ông Nguyễn Trường Hận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị X**, sinh ngày 01/01/1964 (có mặt).

Số căn cước công dân: 096164003086.

Địa chỉ: **Ấp A, xã Đ, tỉnh Cà Mau** (có mặt).

Bị đơn: Ông **Hồ Chí N**, sinh năm 1964. Địa chỉ: **Ấp A, xã Đ, tỉnh Cà Mau** (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1962. Địa chỉ: **Ấp A, xã Đ, tỉnh Cà Mau** (có mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

3. Ông **Nguyễn Minh G** (**Nguyễn Văn B**), sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà X trình bày:

Vợ chồng bà có phần đất nằm cặp ranh đất với ông N, phần đất ranh đất của vợ chồng bà X là phần bờ ngang 4,5m, dài khoảng 400m nằm cặp ranh với phần ruộng của ông N. Vào khoảng tháng 3/2024 âm lịch ông N có thuê Nguyễn Văn K phun thuốc cỏ trên phần đất ruộng của ông N, việc thỏa thuận phun thuốc như thế nào thì bà không biết, việc phun thuốc thì vợ chồng bà biết nhưng không có trực tiếp xem. Khoảng 03 ngày sau khi phun thuốc bà phát hiện chuối trồng trên phần bờ chết nhiều và gãy đổ trên diện tích bờ dài khoảng 350m. Sau sự việc xảy ra vợ chồng bà liên hệ ông N để nói chuyện thì mới biết được ông K kêu con ông K (tên B) điều khiển máy bay phun thuốc gây ảnh hưởng và thiệt hại đến chuối của bà, thời điểm này bà yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng, nhưng ông N không đồng ý nên phát sinh tranh chấp, bà xác định chuối bị thiệt hại là do ông N thuê người phun thuốc diệt cỏ trúng gây thiệt hại. Số chuối bị thiệt hại bà thống nhất theo biên bản xác minh là 171 cây chuối cho trái, 370 cây chuối chưa cho trái, 365 cây chuối cao khoảng 01m, bà thống nhất giá cây chuối do Hội đồng định giá đưa ra.

Nay bà yêu cầu ông N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về số lượng cây chuối chết số tiền 43.200.000 đồng, không yêu cầu trách nhiệm của ông K và ông G.

Ông N trình bày:

Ông có phần đất nằm cặp ranh đất với vợ chồng bà X, khoảng tháng 3/2024 âm lịch ông N có thuê ông Nguyễn Văn K phun thuốc cỏ trên phần đất ruộng của gia đình, ông K là chủ máy bay phun thuốc, việc ông N thuê phun thuốc chỉ thỏa thuận miệng với ông K nội dung “Phun 02 bình thuốc cỏ trong phạm vi ruộng của ông N, giá phun thuốc là 300.000 đồng”, phương thức phun và cách thức phun thì không thỏa thuận. Việc phun thuốc là do con ông K và nhân công ông K tự pha chế thuốc do ông N cung cấp, thời điểm phun thuốc thì con ông K điều khiển máy bay ra ruộng trước (Bay được khoảng hơn 100 mét bên hướng ranh bà X, sau đó bay ngược qua ranh ông Ba Đ đậu máy bay lại), sau đó ông N ra ruộng hỏi thì con ông K nói “Bay vô chuối bà X rồi” và ông N hỏi nhiều ít thì con ông K không trả lời, mà điều khiển máy bay bay thẳng theo hướng hết ranh bà X và bay vòng giáp ruộng rồi nghỉ. Ông N xác định thiệt hại về chuối của bà X do phun thuốc là có trên thực tế, nhưng ngoài ý muốn chủ quan của ông N. Thiệt hại về chuối có giá trị chỉ khoảng 5.000.000 đồng chứ không nhiều hơn nữa. Việc gây thiệt hại là lỗi trực tiếp của cha con ông K vì việc bay phun thuốc ông N không có trực tiếp yêu cầu và chỉ đạo thực hiện phun. Số chuối bị thiệt hại theo ông N xác định là 200 cây gồm có chuối cho trái, sắp cho trái, chuối nhỏ nhưng không xác định được số lượng cụ thể. Số chuối bị thiệt hại là chuối trồng trùm qua đường ruộng nước của ông N khoảng 300 cây (bị thiệt hại 70%). Giá cây chuối Hội đồng định giá đưa ra ông N thống nhất nhưng so với giá thực tế theo thị trường là cao.

Ông **P** trình bày:

Tài sản bị thiệt hại là tài sản chung giữa ông với bà **X**. Ông thống nhất việc bà **X** khởi kiện, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì ông thống nhất tuyên trả cho bà **X**, ông không có yêu cầu gì.

Ông **K** trình bày:

Ông có thỏa thuận với ông **N** để xịt cỏ cháy bằng máy bay với giá 01 bình thuốc (40 lít) là 150.000 đồng, thỏa thuận xịt 02 bình là 300.000 đồng, thuốc do ông **N** cung cấp, ngoài ra không có thỏa thuận gì khác, ông làm công việc xịt thuốc thuê ở địa phương nhiều năm, đối với việc xịt thuốc cỏ cháy trường hợp thuốc có bay qua khu vực chuối thì không ảnh hưởng đến chuối, từ trước đến nay đã làm nhiều nên không thỏa thuận gì thêm, sau đó bà **X** yêu cầu ông **N** bồi thường chuối do xịt thuốc cỏ ông mới biết, việc xịt thuốc do con ông **Nguyễn Minh G** trực tiếp làm, trường hợp bà **X**, ông **N** yêu cầu ông cùng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại thì ông không đồng ý vì ông chỉ làm thuê cho ông **N**, nếu có thiệt hại thì ông **N** tự chịu.

Ông **G** trình bày:

Ông là người trực tiếp lái máy bay xịt cỏ cho ông **N**, trước khi xịt ông **N** có xác định vị trí đất, sau đó ông lập định vị trên máy bay, khi điều khiển sẽ di chuyển theo hướng đã định vị, quá trình xịt thuốc toàn bộ diện tích đất của ông **N** và thuốc có tạt qua hàng chuối do thời điểm đó có gió, tuy nhiên do thuốc xịt cỏ cháy không có ảnh hưởng đến chuối nên ông tiếp tục xịt và không cho ông **N** biết, ông cũng không biết chuối cho ai, thuốc xịt cỏ cháy chỉ ảnh hưởng đến lúa mới xạ, thuốc do ông **N** cung cấp và pha theo liều lượng của ông **N**, ông không biết thuốc ông **N** đưa là thuốc gì vì thời điểm đó ông **Trần An T** là người pha thuốc. Trường hợp ông **X**, bà **N** yêu cầu ông cùng bồi thường thì ông không đồng ý vì ông phun theo yêu cầu của ông **N**, thuốc do ông **N** cung cấp, nếu ông biết thuốc ông **N** cung cấp có ảnh hưởng đến chuối thì ông sẽ không làm cho ông **N**, ông đã làm nhiều năm tại địa phương, mỗi lần xịt đều có thuốc bay vào chuối nhưng không ảnh hưởng gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, chi phí tố tụng đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông **G**, ông **K** yêu cầu xét xử vắng mặt, ông **N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau theo quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Việc ông N thuê ông G và ông K xịt thuốc cỏ trên đất của ông N làm chuối của bà X chết là có xảy ra trên thực tế, được các bên thừa nhận, theo đó ông N thuê ông K và ông G xịt cỏ trên phần đất của ông N, giá thuê 300.000 đồng, thuốc do ông N cung cấp, phía ông G, ông K chịu trách nhiệm pha và phun thuốc, quá trình phun, thuốc có bay vào bờ chuối trên phần đất của bà X giáp ranh với ông N làm chuối bị chết.

Như vậy thiệt hại của bà X xuất phát từ giao dịch nêu trên nên ông N, ông G, ông K đều có lỗi, quá trình giải quyết vụ án ông N, ông G, ông K đều xác định các bên chỉ thỏa thuận việc thuê phun thuốc, ngoài ra không còn thỏa thuận nào khác nên ông N, ông G, ông K cùng có trách nhiệm đối với thiệt hại nêu trên.

[3.2] Về thiệt hại: Khi sự việc xảy ra thì bà X có nhờ chính quyền đến lập biên bản kiểm tra hiện trạng chuối bị thiệt hại và có lập biên bản về việc xác minh chuối bị thiệt hại do xịt thuốc ngày 25/5/2024 trong đó thể hiện 171 cây chuối cho trái, 370 cây chuối chưa cho trái, 365 cây chuối cao khoảng 01m.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm việc với các thành viên Hội đồng định giá tại thời điểm định giá ngày 23/10/2024 xác định biên bản định giá ngày 23/10/2024 thể hiện giá chuối sắp cho trái (loại B): 01 cây = 85.000.000 đồng; chuối dưới 01 năm tuổi (loại D): 01 cây = 52.000.000 đồng là có sai sót, nhầm lẫn trong quá trình ghi biên bản và đánh máy, đồng thời thống nhất giá trị tài sản bị thiệt hại cụ thể: Chuối cho trái (loại A): 01 cây = 100.000 đồng; Chuối sắp cho trái (loại B): 01 cây = 85.000 đồng; Chuối dưới 01 năm tuổi (loại D): 01 cây = 52.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/12/2024 ông N không thống nhất số lượng chuối bị thiệt hại, thống nhất kết quả định giá nhưng cho rằng cao so với giá thị trường, tuy nhiên ông không đưa ra yêu cầu gì. Sau khi cấp phúc thẩm hủy án và Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại ông N từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không tham gia hòa giải xét xử và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét lời trình bày của ông N, do đó Hội đồng xét xử căn cứ số lượng chuối, giá chuối bị thiệt hại đã được xác định trong quá trình giải quyết vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tổng giá trị tài sản theo định giá là 67.530.000 đồng, tại phiên tòa, bà X chỉ yêu cầu ông N bồi thường thiệt hại số cây chuối bị chết là 43.200.000 đồng, không yêu cầu ông K, ông G có trách nhiệm bồi thường. Đây là sự tự nguyện của bà X phù hợp với Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên được chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 43.200.000 đồng.

[5] Đối với giao dịch giữa ông **N**, ông **G** và ông **K**, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét bằng vụ án khác.

Đối với ông **P** không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn được miễn do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 1.200.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu, nguyên đơn đã dự nộp nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền này.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, 165, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị X**.

Buộc ông **Hồ Chí N** có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà **Lê Thị X** số tiền 43.200.000 đồng (Bốn mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **X**, ông **N** được miễn.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông **N** có nghĩa vụ trả cho bà **X** 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 - Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Hồ Dũng Liêm

